TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST Ngày 13-3-2024 V/v trA1 chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DA1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi

2. Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 468/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "TrA1 chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị A1, sinh năm: 1984; thường trú: Số 102/11 đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Xuân Q1, sinh năm: 1985; thường trú: Số 102/11 đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Hoàng Thị A1 trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị A1 và ông Đào Xuân Q1 tìm hiểu nhau được khoảng 07 năm thì tự nguyện chung sống. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 38/11 quyển số 06 ngày 15/4/2011. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối

sống, ông Q1 không có trách nhiệm với gia đình, không phụ vợ về kinh tế để trang trải sinh hoạt gia đình. Vợ chồng đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả. Đến nay mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không còn ăn cơm chung, ngủ chung, không còn chia sẻ gì với nhau trong cuộc sống. Nay bà Hoàng Thị A1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Đào Xuân Q1.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đào Hoàng Gia L, sinh ngày 07/11/2016. Bà Hoàng Thị A1 hiện đang kinh doA1 tự do thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, có thời gian chủ động để đưa đón con đi học. Ông Q1 làm nghề lái xe tải, thường xuyên lái xe đường dài không có thời gian để chăm sóc con. Bà Hoàng Thị A1 không biết thu nhập hàng tháng của ông Đào Xuân Q1 nhưng căn cứ vào mức học phí và chi phí sinh hoạt của con mỗi tháng hết khoảng hơn 4.000.000 đồng để yêu cầu ông Q1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tương ứng 50% chi phí hàng tháng cho con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung: Bà Hoàng Thị A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đào Xuân Q1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị A1 và ông Đào Xuân Q1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 38/11 quyển số 06 ngày 15/4/2011, việc kết hôn là tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Hoàng Thị A1 xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Q1 không có trách nhiệm với gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, đã kéo

dài nhiều năm không thể hàn gắn được nên bà Hoàng Thị A1 yêu cầu được ly hôn với ông Đào Xuân Q1.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án bà Hoàng Thị A1 và ông Đào Xuân Q1 không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà Hoàng Thị A1 xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Ông Đào Xuân Q1 đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Hoàng Thị A1 và ông Đào Xuân Q1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Hoàng Thị A1 yêu cầu được ly hôn với ông Đào Xuân Q1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Bà Hoàng Thị A1 xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Đào Hoàng Gia L, sinh ngày 07/11/2016. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông Đào Xuân Q1 được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập và có mong muốn nuôi con. Cháu L hiện chưa thành niên và có mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, Tòa án giao cháu L cho bà Hoàng Thị A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Bà Hoàng Thị A1 yêu cầu ông Đào Xuân Q1 thực hiện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Xét thấy, việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cho con có cuộc sống tốt hơn và nghĩa vụ đó là nghĩa vụ chung của cha mẹ. Ông Đào Xuân Q1 không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập. Vì vậy, bà Hoàng Thị A1 căn cứ vào mức học phí và chi phí sinh hoạt của con mỗi tháng khoảng hơn 4.000.000 đồng để yêu cầu ông Q1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tương ứng 50% với số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với chi phí học tập, sinh hoạt và mức sống ở địa phương nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị A1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A1 đối với ông Đào Xuân Q1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị A1 được ly hôn với ông Đào Xuân Q1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 38/11 quyển số 06 do Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/4/2011).

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Đào Hoàng Gia Linh, sinh ngày 07/11/2016 cho bà Hoàng Thị A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đào Xuân Q1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đào Hoàng Gia L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Hoàng Thị A1 và ông Đào Xuân Q1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Q1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà A1 nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị A1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001356 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Đào Xuân Q1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân